

THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ TRỮ THÓC, GẠO TẠI CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC KHU VỰC HẢI HƯNG

TS. Đào Thị Hương¹, ThS. Triệu Quang Trường²

¹Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Email: Daohuongkt84@gmail.com

².Chi cục dự trữ Nhà nước Tứ Lộc

TÓM TẮT

Quản lý dự trữ hàng hóa là một vấn đề cần thiết, nhất là trong hoạt động quản lý dự trữ quốc gia. Đây được coi là một lĩnh vực kinh tế đặc biệt, góp phần đảm bảo sự phát triển ổn định của nền kinh tế và đời sống xã hội, nhất là khi có thiên tai, địch họa. Trên cơ sở khảo sát thực trạng hoạt động quản lý dự trữ hàng hóa nói chung và mặt hàng thóc gạo nói riêng, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường nâng cao hoạt động quản lý dự trữ hàng hóa đặc biệt là mặt hàng quan trọng thóc, gạo tại Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng.

Từ khóa: Quản lý dự trữ; dự trữ thóc, gạo.

ABSTRACT

Goods reserve management is a necessary issue, especially in national reserve management. This is considered a special economic field, contributing to ensuring the stable development of the economy and social life, especially when there are natural disasters and enemy sabotage. On the basis of surveying the current status of commodity reserve management activities in general and rice products in particular at the State Reserve Department in Hai Hung area today, the authors propose a number of solutions to enhance High performance in inventory management of goods, especially important commodities such as rice and rice, at the State Reserve Department in Hai Hung area.

Keywords: Reserve management; reserve paddy and rice.

1. GIỚI THIỆU

Dự trữ quốc gia (DTQG) là một vấn đề mang tính chiến lược mà bất kỳ quốc gia nào trên thế giới đều phải quan tâm. DTQG giúp các quốc gia giảm thiểu thiệt hại, ổn định kinh tế vĩ mô, mà còn vượt qua khó khăn, phục hồi tăng trưởng kinh tế và chuẩn bị cho chu kỳ phát triển mới. Ở Việt Nam, dự trữ mặt hàng lương thực cụ thể là thóc, gạo được coi là mặt hàng dự trữ chiến lược, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu hàng hóa dự trữ. Bởi thóc, gạo là nguồn lương thực

chính, đó là mặt hàng thiết yếu nhất, là nhu cầu cơ bản số một của toàn xã hội.

Hiện nay, tại Cục Dự trữ Nhà nước (DTNN) khu vực Hải Hưng mặt hàng thóc, gạo có tổng mức dự trữ quốc gia lớn, nhằm đáp ứng yêu cầu về cứu trợ, hỗ trợ trong nước, nhằm giải quyết khó khăn trong đời sống của người dân, giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và của, sớm khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm an sinh xã hội, cũng như hỗ trợ, viện trợ nước ngoài nhằm thắt chặt tình đoàn kết các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, công tác quản lý dự trữ nhà nước

đối với mặt hàng thóc, gạo còn nhiều hạn chế: cơ chế chính sách còn chưa đồng bộ, công tác lập kế hoạch còn chưa sát với thực tế, công nghệ bảo quản lạc hậu, ...chưa phù hợp với xu hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa (CNH) hiện đại hóa đất nước (HĐH), hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, chưa đáp ứng được yêu cầu cấp bách nhiệm vụ nhà nước đề ra.

Đứng trước những lợi ích và sự cần thiết hoạt động quản lý dự trữ hàng hóa mang lại, đồng thời căn cứ vào điều kiện thực tiễn của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng cần có những giải pháp nhằm nâng cao hoạt động quản lý dự trữ mặt hàng thóc, gạo tại Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng.

2. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mục tiêu nghiên cứu: Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản lý dự trữ thóc, gạo tại Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng nhóm tác giả đề xuất các giải pháp để khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao hoạt động quản lý dự trữ thóc, gạo quốc gia đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn về số lượng và chất lượng thóc, gạo dự trữ

Đối tượng nghiên cứu: Công tác quản lý dự trữ thóc, gạo tại Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng.

Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp: Để thu thập dữ liệu sơ cấp, nhóm tác giả đã sử dụng 3 phương pháp đó là: Phiếu điều tra chuyên sâu, phỏng vấn chuyên gia, tiếp xúc thực tế. Dữ liệu thứ cấp liên quan đến công tác quản lý dự trữ thóc, gạo được thu thập tại Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng.

Phương pháp xử lý dữ liệu: nghiên cứu sử dụng các phương pháp kỹ thuật cụ thể như so sánh, đối chiếu, phân tích nội dung và các kỹ thuật của thống kê dựa vào phần mềm xử lý văn bản Microsoft Office (Word và Excel).

3. KHÁI QUÁT VỀ CỤC DTNN KHU VỰC HẢI HƯNG

Cục DTNN khu vực Hải Hưng được hình thành từ năm 1956. Theo Nghị định số 997/TTg, ngày 07/8/1956 của Thủ tướng Chính phủ, trong 18 Ban đại diện vật tư dự trữ trực thuộc Cục quản lý dự trữ vật tư Nhà nước lúc đó tại hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên là Ban vật tư, trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh. Quyết định số 2446/QĐ-BTC, ngày 05/10/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục DTNN trực thuộc Tổng cục DTNN, theo đó: DTQG khu vực Hải Hưng được đổi thành Cục DTNN khu vực Hải Hưng, các Tổng kho trực thuộc thành các Chi cục DTNN. Hiện nay 06 Chi cục DTNN trực thuộc là: Chi cục DTNN Cẩm Bình; Ninh Thanh; Nam Thanh; Tứ Lộc; Kim Thi và Phù Tiên [3], [4].

Cục DTNN khu vực Hải Hưng là cơ quan hành chính của nhà nước, nên đội ngũ nhân lực của đơn vị chủ yếu thuộc biên chế của nhà nước. Hàng năm Cục DTNN khu vực Hải Hưng được Tổng cục DTNN giao chỉ tiêu biên chế theo số lượng biên chế của toàn đơn vị, đồng thời giao chỉ tiêu kế hoạch về số lượng hàng hóa dự trữ và nguồn kinh phí phục vụ công tác nhập, xuất và bảo quản hàng hóa dự trữ theo số lượng được giao.

**Bảng 1. Tình hình phân bổ nhân lực tại Cục DTNN khu vực Hải Hưng
tại thời điểm 31/12 hàng năm**

ST T	Lãnh đạo Cục, các Phòng, Chi cục	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		So sánh (%)		
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	2020 2019	2021 2019	Bình quân
1	Lãnh đạo Cục	3	1,8	3	2,0	3	2,1	100	100	100
2	Phòng KH & QLHDT	5	3,0	4	2,6	4	3,5	80	80	80
3	Phòng KTĐQ	6	3,6	6	3,9	5	4,2	100	83	92
4	Phòng TCKT	8	4,8	7	4,6	6	2,8	88	75	81
5	Phòng TCHC	10	6,0	9	5,9	9	2,1	90	90	90
6	P.Thanh tra	3	1,8	2	1,3	3	6,3	67	100	83
7	Chi cục Cẩm Bình	16	9,6	16	10,5	16	11,3	100	100	100
8	Chi cục Nam Thanh	26	15,7	22	14,5	20	14,1	85	77	81
9	Chi cục Ninh Thanh	21	12,7	18	11,8	18	12,7	86	86	86
10	Chi cục Tứ Lộc	22	13,3	19	12,5	19	13,4	86	86	86
11	Chi cục Kim Thi	32	19,3	31	20,4	27	19,0	97	84	91
12	Chi cục Phù Tiên	14	8,4	15	9,9	12	8,5	107	86	96
	Tổng cộng	166	100	152	100	142	100	90	87	89

Nguồn: Phòng TCHC - Cục DTNN khu vực Hải Hưng

Qua số liệu phản ánh tại **Bảng 1** cho thấy nhân lực của Cục DTNN khu vực Hải Hưng giảm đáng kể qua 3 năm từ 166 người năm 2019 xuống còn 142 người năm 2021. Điều này chứng tỏ Cục rất chú ý đến việc sử dụng nhân lực hợp lý để tiết kiệm chi phí lao động trong quản lý.

4. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DỰ TRỮ THÓC, GẠO TẠI CỤC DTNN KHU VỰC HẢI HƯNG

4.1. Tiêu chuẩn và định mức kinh tế, kỹ thuật làm cơ sở cho công tác quản lý và bảo quản thóc, gạo dự trữ quốc gia

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nghiên

cứu, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về dự trữ nhà nước đối với mặt hàng thóc, gạo cũng như các mặt hàng khác, trong đó quy định: Yêu cầu về chất lượng; Yêu cầu về kho dự trữ; Bao bì đóng gói; Phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử chất lượng thóc, gạo; Thủ tục giao nhận, bảo quản thóc, gạo; Quy trình xuất kho; Quy định về phòng, chống cháy nổ....

Căn cứ quy định của Bộ Tài chính, Cục DTNN khu vực Hải Hưng và các Chi cục DTNN khu vực chịu trách nhiệm hướng dẫn và thực hiện đảm bảo các tiêu chuẩn trên. Đây cũng là cơ sở cho việc kiểm tra, kiểm soát thường xuyên, định kỳ, là thước đo tiêu chuẩn

để đánh giá công tác dự trữ thóc, gạo tại các đơn vị thuộc và trực thuộc.

Ngoài quy định nhằm đảm bảo chất lượng thóc, gạo dự trữ, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 161/2015/TT-BTC

ngày 15 tháng 10 năm 2015 quy định về định mức chi phí bảo quản và định mức hao hụt hàng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý [1, tr2], theo đó, định mức hao hụt mặt hàng thóc, gạo dự quốc gia như sau:

Bảng 2. Định mức hao hụt thóc, gạo DTQG (theo Thông tư 161)

TT	Thời gian bảo quản	Định mức hao hụt Thóc (%)	Thời gian bảo quản	Định mức hao hụt gạo (%)
1	Từ 01 tháng đến 03 tháng	0,3	Dưới 12 tháng	0,050
2	Từ > 03 tháng đến 06 tháng	0,5	Từ 12 → 18 tháng	0,058
3	Từ > 06 tháng đến 09 tháng	0,7	Trên 18 tháng	0,066
4	Từ > 09 tháng đến 12 tháng	0,9		
5	Từ > 12 tháng đến 18 tháng	1,2		
6	Từ > 18 tháng đến 24 tháng	1,4		
7	Trên 24 tháng: cộng thêm/tháng	0,03		

Các định mức hao hụt quy định lượng thóc, gạo hao hụt cho phép tương ứng với thời gian bảo quản thóc, gạo. Nếu mức hao hụt thực tế được xác định khi xuất dốc kho nhỏ hơn định mức hao hụt quy định, đơn vị dự trữ quốc gia chỉ cần ghi giảm giá trị theo sổ sách. Nếu mức hao hụt thực tế lớn hơn định mức hao hụt quy định, đơn vị dự trữ quốc gia phải lập biên bản, xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan, xác định đối tượng để xử lý phù hợp

Quy chuẩn kỹ thuật về dự trữ mặt hàng thóc, gạo tương đối phù hợp trong giai đoạn hiện nay, trong đó quy định chi tiết về chất lượng thóc, gạo mua vào và xuất ra, đồng thời hướng dẫn quy trình bảo quản, yêu cầu của từng bước bảo quản. Tuy nhiên, khi công nghệ bảo

quản thay đổi, diễn biến tình hình khí hậu, cũng như yêu cầu chất lượng thóc, gạo dự trữ quốc gia, thì Cục DTNN khu vực Hải Hưng cần có những nghiên cứu thay đổi cho phù hợp.

Tiêu chuẩn về chất lượng

Thóc nhập kho, xuất kho dự trữ quốc gia phải bảo đảm các yêu cầu:

+ Yêu cầu về cảm quan như: Màu sắc (hạt thóc có màu sắc đặc trưng của giống, loại); Mùi (có mùi tự nhiên của thóc mới, không có mùi lạ); Trạng thái (hạt mẩy, vỏ trấu không bị nứt, vỡ).

+ Sinh vật hại: Thóc nhập kho không bị nấm men, nấm mốc, không có côn trùng sống và sinh vật hại khác nhìn thấy bằng mắt thường.

+ Yêu cầu chất lượng theo quy định sau:

Bảng 3. Chỉ tiêu chất lượng của thóc nhập, xuất kho dự trữ quốc gia

Chỉ tiêu	Chất lượng của thóc nhập kho	Chất lượng của thóc xuất kho
1. Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn Đối với các tỉnh đồng bằng Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh	14,0 15,5	14,0 15,5
2. Tạp chất, % khối lượng, không lớn hơn	3,0	5,0
3. Hạt không hoàn thiện, % khối lượng, không lớn hơn	6,5	10,0
4. Hạt vàng, % khối lượng, không lớn hơn	0,5	1,25
5. Hạt bạc phán, % khối lượng, không lớn hơn	7,0	10,0
6. Hạt lẫn loại, % khối lượng, không lớn hơn	10,0	10,0

Gạo nhập kho dự trữ quốc gia phải bảo đảm các yêu cầu:

+ *Gạo nhập kho dự trữ quốc gia phải đảm bảo là gạo mới (tùy thuộc vào tình hình sản xuất, thời vụ từng năm, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quyết định mua loại gạo “hạt dài hay hạt ngắn”, tỷ lệ tám, vùng miền sản xuất, thời vụ nhập kho phù hợp) với các yêu cầu:*

+ *Yêu cầu về cảm quan, như: Màu sắc (màu trắng, đặc trưng cho từng giống, từng loại gạo và không bị biến màu); Mùi, vị (có mùi thơm đặc trưng của từng giống, từng loại gạo; không có mùi, vị lạ); Tạp chất (không có tạp chất lạ); Đánh bóng (sạch cám, bề mặt hạt*

gạo bóng); Sinh vật hại (gạo nhập kho không bị nấm mốc, không có côn trùng sống và sinh vật hại nhìn thấy bằng mắt thường).

+ *Yêu cầu các chỉ tiêu chất lượng: Gạo nhập kho dự trữ quốc gia phải đảm bảo yêu cầu chất lượng theo quy định tại bảng các chỉ tiêu chất lượng của gạo nhập kho dự trữ quốc gia.*

+ *Yêu cầu an toàn thực phẩm: (i) Dư lượng tối đa các loại thuốc bảo vệ thực vật cho phép: Đáp ứng yêu cầu quy định tại Danh mục tên thuốc bảo vệ thực vật và giới hạn tối đa đối với gạo. (ii) Giới hạn tối đa hàm lượng kim loại nặng cho phép, (iii) Giới hạn tối đa độc tố vi nấm cho phép.*

Bảng 3. Giới hạn tối đa hàm lượng kim loại nặng cho phép

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa
1	Hàm lượng cadimi, mg/kg	0,4
2	Hàm lượng asen, mg/kg	1,0
3	Hàm lượng chì, mg/kg	0,2

Nguồn: Thông tư số 78/2019/TT-BTC

Bảng 4. Giới hạn tối đa độc tố vi nấm cho phép

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa
1	Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg	5
2	Hàm lượng aflatoxin tổng số, µg/kg	10

Nguồn: Thông tư số 78/2019/TT-BTC

Quy định về định mức phí nhập, xuất, bảo quản thóc, gạo dự trữ quốc gia

Bảng 5. Bảng tổng hợp mức phí nhập, xuất, bảo quản thóc, gạo dự trữ quốc gia

Đồng/tấn

STT	Mặt hàng	Phí nhập	Phí xuất	Phí bảo quản TX	Phí bảo quản lần đầu mới	Phí bảo quản lần đầu bổ sung
1	Gạo	360.422	311.309	112.449	273.234	167.490
2	Thóc đỏ rời	404.361	366.884	158.838	399.159	246.967
3	Thóc đóng bao	487.047	358.055	115.492	275.608	184.258

Nguồn: Cục DTNN khu vực Hải Hưng

Đây là định mức của Cục DTNN khu vực Hải Hưng trong việc thực hiện nhập, xuất, bảo quản thóc, gạo dự trữ quốc gia. Căn cứ định mức phí nhập, xuất, bảo quản Bộ Tài chính quy định, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng thực hiện chi cho các nhiệm vụ nhập, xuất, bảo quản được giao, không được vượt quá định mức quy định và thực hiện quyết toán với Nhà nước theo khối lượng thóc, gạo nhập, xuất, thời gian bảo quản nhân với định mức đã được giao.

4.2. Thực trạng về lập kế hoạch dự trữ về mặt hàng thóc, gạo của Cục dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng

4.2.1. Lập kế hoạch dự trữ mặt hàng thóc, gạo

Căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Tổng Cục DTNN giao từ đầu năm; căn cứ vào điều kiện thực tế của thị trường và từng bộ phận, tích lượng kho chứa Cục DTNN khu vực Hải Hưng sẽ tiến hành lập kế hoạch nhập, mua, xuất, bán thóc, gạo.

Lập kế hoạch mua/ nhập thóc, gạo: hàng năm cứ vào tháng 3 hoặc tháng 4 (chuẩn bị đến thời vụ nhập/mua) Cục DTNN khu vực Hải Hưng lập kế hoạch mua lương thực trình Tổng Cục phê duyệt. Kế hoạch thể hiện rõ số lượng lương thực cần mua, chất lượng, địa điểm nhập cụ thể. Đồng thời căn cứ tình hình thị trường tại thời điểm để xây dựng giá mua phù hợp đề nghị phê duyệt.

Bảng 6. Kế hoạch mua, bán gạo của Cục DTNN khu vực Hải Hưng giai đoạn 2019-2021

ĐVT: Tấn

STT	Đơn vị	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Nhập	Xuất	Nhập	Xuất	Nhập	Xuất
1	Chi cục DTNN Cẩm Bình	1.200	1.000	1.400	1.200	1.400	1.400
2	Chi cục DTNN Nam Thanh	1.200	1.000	2.400	1.200	2.200	2.400
3	Chi cục DTNN Ninh Thanh	1.000	1.200	1.000	1.000	1.000	1.000
4	Chi cục DTNN Tứ Lộc	1.200	1.400	1.000	1.200	1.000	1.000
5	Chi cục DTNN Kim Thi	2.100	1.800	1.600	2.100	1.600	1.600
6	Chi cục DTNN Phù Tiên	1.000	800	600	1.000	800	600
	TỔNG	7.700	7.200	8.000	7.700	8.000	8.000

Bảng 7. Kế hoạch mua, bán thóc của Cục DTNN khu vực Hải Hưng giai đoạn 2019-2021

ĐVT: Tấn

STT	Đơn vị	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Nhập	Xuất	Nhập	Xuất	Nhập	Xuất
1	Chi cục DTNN Cẩm Bình	800	1.000	500	800	1.000	500
2	Chi cục DTNN Nam Thanh	400	600		400		
3	Chi cục DTNN Ninh Thanh	1.200	1.000	1.300	1.200	1.500	1.300
4	Chi cục DTNN Tứ Lộc	1.400	1.600	1.500	1.400	1.600	1.500
5	Chi cục DTNN Kim Thi	1.200	1.200	1.700	1.200	1.500	1.700
6	Chi cục DTNN Phù Tiên	1.000	800	1.000	1.000	900	1.000
	TỔNG	6.000	6.200	6.000	6.000	6.500	6.000

(Nguồn: Phòng kế hoạch và quản lý hàng dự trữ)

4.2.2. Kế hoạch đầu tư phát triển kho cất giữ và bảo quản hàng dự trữ

Cục DTNN khu vực Hải Hưng lập kế hoạch đầu tư theo đúng quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Cụ thể nhu cầu kho dự trữ mặt hàng thóc, gạo được tính: Nhu cầu kho thóc, gạo (tấn) = lượng thóc, gạo x 1,3

Trong đó: 1,3 là hệ số quay vòng kho. Qua thực tế hoạt động dự trữ hàng năm, khi đến kỳ nhập hàng mới thì lượng hàng cần luân phiên đổi hàng có thể chưa xuất hết, nên cần lượng kho dự

phòng gọi là hệ số quay vòng kho, thường chiếm khoảng 30%.

Qua khảo sát cho thấy toàn bộ lượng kho ở các chi cục chỉ sử dụng khoảng 70% đến 80% kho vì khi đến thời điểm nhập xuất thóc, gạo sẽ cần lượng kho dự phòng để quay vòng.

4.3. Thực trạng về công tác tổ chức thực hiện quản lý dự trữ về mặt hàng thóc, gạo của Cục dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng

4.3.1. Công tác mua thóc, gạo dự trữ quốc gia

Công tác tổ chức đấu thầu mua gạo của Cục DTNN khu vực Hải Hưng dần dần được hoàn thiện. Thông qua các đợt kiểm tra, kiểm toán, thanh tra của các cơ quan chức năng, Cục DTNN khu vực Hải Hưng đã điều chỉnh những bất cập trong công tác tổ chức đấu thầu. Tuy nhiên, qua triển khai thực hiện vẫn còn một số điều còn bất cập như các qui định chưa chặt chẽ trong hồ sơ mời thầu dẫn đến việc tổ chuyên gia đấu thầu khi xét hồ sơ gặp nhiều khó khăn.

Năm 2019, tổ chức đấu thầu mua nhập 8.500 tấn gạo, kết quả trúng thầu là 7.500 tấn, số lượng 1.000 tấn (nhập tại Chi cục DTNN Phù Tiên, Hưng Yên có kết quả bỏ thầu giá cao hơn trần qui định) phải tổ chức đấu thầu lần 2.

Điều khó khăn nhất đối với công tác mua nhập gạo qua phương thức đấu thầu đó là việc thanh toán vốn mua hàng. Việc Tổng cục DTNN thường xuyên cấp vốn mua chậm gây khó khăn cho nhà thầu. Đặc biệt trong năm 2020, đơn vị hoàn thành kế hoạch mua nhập 8.000 tấn gạo từ tháng 5, nhưng đến tháng 11 mới được cấp đủ vốn mua. Trong hoạt động

kinh doanh, chi phí sử dụng vốn để kinh doanh lương thực khá cao, trường hợp bị chậm thanh toán sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả kinh doanh của nhà thầu.

Thời gian bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu đến khi tiến hành nhập kho của các nhà thầu khá dài, khiến cho việc tranh thủ về giá mua của các đối tượng khách hàng gặp nhiều khó khăn, nhất là về giá cả thị trường khi có lượng cầu về gạo dự trữ phát sinh lớn, giá tăng cao. Dẫn đến việc thực hiện hợp đồng của các nhà thầu gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ mua nhập.

4.3.2. Thực trạng bảo quản thóc, gạo dự trữ quốc gia

Hiện nay tại cục DTNN khu vực Hải Hưng áp dụng phương thức bảo quản duy nhất là bảo quản thóc đở rời trong điều kiện áp suất thấp. Đây là công nghệ bảo quản mà trong suốt thời gian bảo quản thóc được để trong điều kiện áp suất thấp. Mục đích của công nghệ này là hạn chế các quá trình hoạt động sinh lý cũng như sinh hoá của hạt, tiêu diệt côn trùng, ngăn ngừa những diễn biến bất lợi cho hạt. Qua việc kiểm tra quá trình bảo quản thóc cho thấy tỷ lệ thóc hao hụt biến động trên dưới 1,5% trong giai đoạn 2019-2021, nhưng tỷ lệ hao hụt thóc lại có xu hướng tăng lên mặc dù không đáng kể từ mức tỷ lệ hao hụt thóc là 1,39% năm 2019 lên mức 1,58% năm 2021, điều này chứng tỏ rằng hệ thống kho dự trữ đã xuống cấp cần phải sửa chữa, nâng cấp hoặc xây mới, đồng thời đặt ra cho các Chi cục những vấn đề cấp bách nhanh chóng tìm kiếm các giải pháp đồng bộ để giảm tỷ lệ hao hụt thóc xuống mức thấp hơn.

Bảng 8. Bảng tính hao hụt thóc giai đoạn 2019-2021

TT	Nội dung	Số lượng (tấn)	Tháng BQ (tháng)	Tỷ lệ hao hụt		Ghi chú
				Tỷ lệ %	Số lượng (tấn)	
1	Thóc nhập năm 2019	13.500	25	1,39	187,65	Đã xuất xong
2	Thóc nhập năm 2020	12.000	17	1,45	174	Đã xuất xong
3	Thóc nhập năm 2021	18.500	11	1,58	292,3	Chưa xuất

(Nguồn: Phòng kỹ thuật bảo quản Cục DTNN khu vực Hải Hưng)

Đối với gạo tại các Chi cục Dự trữ nhà nước thuộc Cục DTNN khu vực Hải Hưng đều thực hiện phương thức bảo quản gạo đóng bao bảo quản kín có bổ sung khí CO₂, N₂. Mục đích của công nghệ này là ngăn ngừa sự xâm nhập của sâu mọt, kìm hãm các quá trình sinh lý, sinh hóa bất lợi đối với khối hạt, tác động xấu của môi trường. Nhờ công nghệ này thời gian bảo quản gạo được kéo dài, giữ gìn được số lượng và chất lượng gạo nhập kho.

4.3.3. Thực trạng hệ thống kho dự trữ lương thực tại Cục DTNN khu vực Hải Hưng

Kho dùng trong bảo quản lương thực DTQG tại Cục DTNN khu vực Hải Hưng chủ yếu gồm 3 loại hình kho chính là: Kho mái có vòm cuốn (kho cuốn), kho A1 mái ngói, mái phibro xi măng, mái tôn (kho A1) và kho khung Tiệp. Các loại kho này có kiến trúc tương đối kiên cố, khả năng chống chịu bão, lụt tốt nhưng khả năng chống thấm, dột, cách ẩm và chống bức xạ nhiệt còn chưa tốt. Phần lớn kho phải kê, lót sàn kho, tường kho bằng các vật liệu để cách ẩm. Cửa kho có khả năng ngăn chặn sự xâm nhập của chim, chuột và các loại côn trùng. Điều kiện tiêu khí hậu trong kho còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết và khí hậu bên ngoài. Hơn nữa côn trùng, nấm bệnh và các sinh vật khác có thể tồn tại ở trong kho từ năm này qua năm khác. Như vậy hệ thống kho DTQG chưa thể

đáp ứng được yêu cầu của công tác bảo quản lương thực DTQG có chất lượng tốt trong thời gian dài. Cục DTNN khu vực Hải Hưng đóng trên địa bàn 02 tỉnh Hải Dương và Hưng Yên, nằm trên đồng bằng châu thổ Sông Hồng với diện tích đất chủ yếu để canh tác lúa nước do 06 Chi cục DTNN trực thuộc quản lý. Trong đó tổng số kho lương thực chứa được khoảng 50.000 tấn.

4.3.4. Thực trạng công tác bán thóc, gạo dự trữ quốc gia

Trong giai đoạn năm 2019 đến năm 2021, Cục DTNN khu vực Hải Hưng đã thực hiện xuất bán hàng nghìn tấn lương thực. Việc tổ chức xuất bán luôn đảm bảo an toàn về tiền, vốn. Chất lượng lương thực DTQG xuất bán được thị trường chấp nhận. Cục DTNN khu vực Hải Hưng đã thực hiện xuất bán được 22.000 tấn thóc và 17.000 tấn gạo đảm bảo an toàn. Chất lượng lương thực xuất kho qua công tác kiểm nghiệm cho thấy 100% lương thực DTQG xuất bán đảm bảo, được khách hàng tin tưởng.

4.3.5. Thực trạng hoạt động xuất lương thực DTQG để thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao (cứu trợ, hỗ trợ)

Cục DTNN khu vực liên hệ với đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận hàng cứu trợ, hỗ trợ để thống nhất về thời gian, địa điểm, số lượng giao nhận cụ thể. Đồng thời thực hiện liên hệ thuê phương tiện vận tải để thực hiện vận tải hàng cứu trợ, hỗ trợ.

Bảng 9. Tình hình xuất lương thực DTQG cứu trợ, hỗ trợ*Đơn vị tính: tấn*

STT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng 3 năm	Tỉ lệ 2021 so với 2019
1	Xuất hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú	2.034,825	3.580,71	4.779,542	10.395	234%
2	Xuất hỗ trợ nhân dân trồng rừng	213,1	315,420	415,8	682,32	195%
3	Xuất hỗ trợ, cứu đói nhân dân thời điểm giáp hạt	156,8	346,7	587,445	1090,9	376%

(Nguồn: Phòng Kế hoạch và Quản lý hàng Dự trữ)

Tóm lại, việc thực hiện quản lý hàng DTQG tại Cục DTNN khu vực Hải Hưng về cơ bản đảm bảo đúng quy định, trong quá trình thực hiện đã có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm giải phóng sức lao động, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý. Bên cạnh đó việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch nhưng thời gian mua nhập kéo dài, gây lãng phí lao động và chi phí nhập. Trong công tác bảo quản hàng hóa dự trữ quốc gia, cán bộ thủ kho còn chưa nâng cao trách nhiệm trong công tác bảo quản, chưa duy trì được công tác bảo quản thường xuyên. Chưa cập nhật được những thay đổi trong công nghệ bảo quản, vẫn thực hiện công việc theo chủ nghĩa kinh nghiệm dẫn đến chất lượng hoàn thành nhiệm vụ chưa cao. Từ những hạn chế trên cần có những giải pháp để tăng cường hoạt động quản lý dự trữ hàng hóa tại Cục DTNN khu vực Hải Hưng.

5. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ TRỮ HÀNG HÓA TẠI CỤC DTNN KHU VỰC HẢI HƯNG

1) *Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý dự trữ hàng hóa được tốt, Cục DTNN khu vực Hải Hưng cần:

- Bổ sung những cán bộ, công chức phù hợp, được đào tạo đúng chuyên ngành. Phân công các cán bộ có trình độ chuyên môn cao hoặc người có kinh nghiệm kèm cặp, hướng dẫn cho công chức mới tuyển dụng hoặc công chức có năng lực trình độ chuyên môn thấp.

- Tăng cường bồi dưỡng trang bị những kỹ thuật tiên tiến, hướng dẫn những cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ bảo quản thóc, gạo dự trữ quốc gia.

- Tạo điều kiện để cán bộ kỹ thuật, cán bộ làm khoa học được học tập, giao lưu trao đổi kinh nghiệm, khảo sát thực tế việc triển khai, ứng dụng khoa học công nghệ nói chung, công nghệ bảo quản nói riêng; cán bộ nghiên cứu các đề tài khoa học quản lý, bảo quản thóc, gạo dự trữ quốc gia ở cấp cao hơn, mở rộng các hình thức hợp tác trong hoạt động nghiên cứu khoa học để các sản phẩm nghiên cứu khoa học có chất lượng và ứng dụng sâu rộng. Đặc biệt, sẽ tăng

cường áp dụng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học gắn liền với chất lượng thóc, gạo dự trữ quốc gia trong quá trình nhập kho và bảo quản.

- Tạo động lực khuyến khích toàn thể cán bộ, công chức, người lao động phấn đấu nỗ lực hết mình trong công việc. Có cơ chế khen, thưởng, động viên, khuyến khích kịp thời đối với các công chức hăng hái, nhiệt tình tham gia công tác học tập có kết quả cao, nâng cao ý thức trách nhiệm và việc ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế công việc đang đảm nhận làm nâng suất lao động

2) Giải pháp ứng dụng công nghệ bảo quản

Bảo quản chất lượng lương thực là công tác quan trọng nhất trong việc đảm bảo lương thực DTQG.

- Kết hợp giữa phương pháp quản lý chất lượng lương thực dự trữ nhập kho và quản lý chất lượng hàng dự trữ khi xuất ra, coi chất lượng đầu ra là mục tiêu bảo quản hàng dự trữ. Lương thực dự trữ khi xuất kho có chất lượng tốt nhất đáp ứng yêu cầu sử dụng là mục tiêu cuối cùng của công tác bảo quản hàng dự trữ, điều này phản ánh tính ưu việt của phương pháp này với phương pháp hiện nay là chỉ quan tâm đến chất lượng đầu vào, quy trình, thủ tục bảo quản nhưng lại không kiểm soát chất lượng hàng khi xuất khỏi kho. Tuy nhiên, để có được chất lượng đầu ra tốt không thể không quan tâm đến chất lượng đầu vào. Do đó, để công tác quản lý, bảo quản hàng dự trữ được tốt thì yếu tố chất lượng hàng nhập kho là rất quan trọng.

- Trong bảo quản thóc, gạo, công nghệ và kỹ thuật bảo quản là khâu then chốt nhất quyết định chất lượng hiệu quả của công tác bảo quản lương thực. Do đó

cần loại bỏ những phương pháp cũ, lạc hậu và không ngừng cải tiến, nghiên cứu, áp dụng phương pháp bảo quản công nghệ mới để nâng cao chất lượng thóc, gạo. Phương thức dự trữ, công nghệ bảo quản có liên quan chặt chẽ với nhau và ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực tổ chức và quản lý lương thực.

Việc đổi mới công nghệ bảo quản là công việc cấp bách vì nó quyết định quy mô, kiểu cách của hệ thống kho tàng và nhiều vấn đề khác của công tác quản lý. Tuy nhiên, việc lựa chọn công nghệ thích hợp là vô cùng quan trọng, đòi hỏi phải nghiên cứu, khảo sát thật kỹ lưỡng và đưa ra những quyết định sáng suốt.

Các phương pháp bảo quản mới đã mang lại hiệu quả cao hơn phương pháp cũ, có thể xem xét đến phương pháp: Bảo quản thóc đóng bao trong môi trường kín sử dụng chất khử oxy. Phương pháp này có một số ưu điểm nổi trội so với bảo quản thóc trong môi trường áp suất thấp.

Hiệu quả của phương pháp “Bảo quản thóc, gạo đóng bao trong môi trường kín sử dụng chất khử oxy”:

+ Hạn chế được ảnh hưởng của điều kiện khí hậu đến quá trình bảo quản, không thấy có hiện tượng đọng sương trong quá trình bảo quản, không thấy có côn trùng hại thóc.

+ Căn cứ vào các chỉ tiêu chất lượng thóc khi xuất kho thì thóc bảo quản theo phương pháp này chất lượng thay đổi rất ít so với ban đầu, thóc vẫn giữ mùi thơm tự nhiên, hạt có màu vàng sáng, xếp loại đánh giá cảm quan cơm bằng phương pháp cho điểm đạt ở mức khá.

+ Có đủ điều kiện để kéo dài thời gian bảo quản đến 30 tháng.

+ Tỷ lệ hao hụt thấp hơn so với

phương pháp bảo quản thóc đổ ròi trong môi trường áp suất thấp.

+ Không sử dụng hóa chất để phòng, diệt côn trùng trong quá trình bảo quản, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và đảm bảo sức khỏe cho những người trực tiếp làm công tác bảo quản, đảm bảo được vệ sinh an toàn thực phẩm. Đây không chỉ là mối quan tâm riêng của cá nhân nào mà là mối quan tâm chung của toàn xã hội.

+ Thuận tiện cho việc kiểm tra trong quá trình bảo quản, giảm được công và chi phí điện năng cho việc hút khí lô thóc, điều này đồng nghĩa với việc giảm được biên chế và giảm chi hành chính. 01 thủ kho có thể bảo quản được 1.000 tấn thóc.

Đối với gạo bảo quản trong môi trường khí Oxy có các ưu điểm như sau:

Bảng 10. Chất lượng của gạo bảo quản bằng chất khử O₂ và bảo quản bằng CO₂

STT	Các chỉ số dinh dưỡng	Bảo quản với chất khử O ₂	Bảo quản kín với CO ₂
1	Protein	Không giảm	Không giảm
2	Gluxit	Không giảm	Không giảm
3	Lipit	Giảm 0,1 %	Giảm 0,2 %
4	VitaminB1	Giảm 0,01%	Giảm 0,01%
5	Độ chua	Tăng 0,1 %	Tăng 0,2 %

- Giá trị thương phẩm: Kết quả cho thấy, gạo bảo quản bằng chất khử oxy có mùi thơm ngon và được đánh giá cao hơn so với gạo bảo quản bằng khí CO₂. Nguyên nhân có thể do nồng độ oxy trong lô gạo bảo quản bằng chất khử oxy luôn luôn nhỏ hơn 2%, thấp hơn so với bảo quản bằng khí CO₂. Mặt khác do

+Tạp chất: Do bảo quản kín tạp chất không thay đổi vì không có côn trùng phá hại và không bị bụi của môi trường ảnh hưởng.

+ Côn trùng hại: Gạo được dùng trong ngành dự trữ quốc gia là gạo Nam Bộ vận chuyển ra Bắc. Thời gian từ khi sản xuất đến khi nhập kho ít nhất là 01 tháng, nên trong quá trình vận chuyển dễ bị lây nhiễm côn trùng. Khi sử dụng chất khử oxy không thấy côn trùng sống, không thấy phát sinh một số. Do nồng độ oxy duy trì sự sống của côn trùng đã giảm xuống dưới 2%, nên côn trùng trưởng thành và trứng không phát triển được và chết.

+ So sánh chất dinh dưỡng trong gạo giữa phương pháp bảo quản kín bằng chất khử O₂ và bảo quản bằng khí CO₂:

nồng độ khí CO₂ giảm và lượng oxy trong lô tăng lên nên thường trong vòng 6 tháng phải nạp bổ sung khí CO₂. Làm cho gạo bị ôxy hóa nhiều hơn, do đó hương thơm của gạo bị giảm.

6. KẾT LUẬN

Để tăng cường hoạt động quản lý

dự trữ hàng hóa thóc, gạo tại Cục DTNN khu vực Hải Hưng cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ bảo quản mới. Phương

pháp bảo quản gạo sử dụng chất khử oxy mang lại giá trị cao hơn phương pháp bảo quản gạo trong môi trường kín có sử dụng CO₂.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- [1] Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 161/TT-TC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về định mức chi phí bảo quản và định mức hao hụt hàng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý.*
- [2] Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 89/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính quy định về thực hiện theo phương thức mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng.*
- [3] Quốc hội (2015), *Luật NSNN số: 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.*
- [4] Triệu Ngọc Mai (2019), *“Quản lý chi phí bảo quản thóc, gạo dự trữ quốc gia tại Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng”*
- [5] *Báo cáo hàng năm giai đoạn 2018-2021 tại các Chi cục dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng.*